

TRIẾT LÝ MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

Trong Đại Kinh Đoạn Tận Ái (Bộ Kinh Trung Bộ - Tập Một) là kinh Thế Tôn đề cập rất tỉ mỉ, cặn kẽ về thuyết *Mười hai nhân duyên* (Thập nhị nhân duyên).

Từ cổ chí kim – Mười hai nhân duyên là một hệ thống triết lý biện chứng về sự hình thành con người một cách toàn diện và đầy đủ nhất.

Cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm, một số câu hỏi rất lớn được đặt ra, đó là: con người do đâu mà có ? Như thế nào ?

Câu hỏi này không phải chỉ là ám ảnh của các khoa học triết cổ đại – mà nó còn kéo dài cho đến tận ngày nay.

Loại bỏ yếu tố vật chất (sinh, hóa ...) .Trong thời kỳ đương đại, Max định nghĩa: Nhân cách (con người) là tổng hòa các mối quan hệ xã hội. Với định nghĩa này, những người Mac-xít tin rằng: đó là định nghĩa sâu sắc, toàn diện và duy nhất đúng.

Như đã trình bày trong “Tâm và Tâm linh”, không ai phủ nhận định nghĩa này của Max, song, với triết lý Phật, như thế là chưa đủ.

Ở đây, sự tiến bộ đáng ghi nhận hơn cả của Max, đó là: Max đã hoàn toàn loại trừ khả năng con người do một đấng tạo hóa nào đó sinh ra. Max đã phủ nhận bằng lý lẽ: con người, với sự biểu hiện đặc trưng qua nhân cách – thì, nhân cách ấy – không hề có bàn tay tạo hóa nào nhào nặn ra, tất cả đều là do con người – từ các mối quan hệ tự nhiên, xã hội mà hình thành.

Rất tiếc, với triết lý Phật như vậy là chưa đủ – bởi, chỉ cần một điểm nhỏ thôi, Max sẽ không thể lý giải được: Tại sao lại nảy sinh những khuynh hướng hoàn toàn dị biệt – thậm chí là trái chiều – ở hai đứa trẻ: do cùng cha mẹ sinh ra, và chúng lớn lên – với các mối quan hệ tự nhiên và xã hội hầu như không đổi ? Chính các khuynh hướng dị biệt hết sức lớn lao ấy đã khiến: một trẻ thành “thầy tu”, một trẻ thành “kẻ cướp” (xin xem thêm phần này trong “Tâm và Tâm linh”).

Thật sự là: các mối quan hệ xã hội của Max trình bày – đó là sự kế thừa mang tính lịch sử. Tính lịch sử này trải qua không phải với đơn vị tính là năm – mà đó là: *đời, kiếp*.

Với đơn vị thời gian *đời* và *kiếp* – của một *cấp độ* khác, cấp độ siêu việt – thì, điều đó đã vượt quá xa đối với tầm hiểu biết của Max.

Một khi tiếp cận triết lý Phật – không thật sự bằng tinh thần khoa học – vẫn mang nặng lăng kính chủ quan hết sức sai lầm: cho rằng triết lý Phật là duy tâm – thì, sự hiểu về *bản chất* của mọi sự vật hiện tượng trong tự nhiên và xã hội – mãi mãi chỉ là sự hiểu của “kẻ mù sờ voi”.

Không thể tin được rằng, cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm – khi mà ngôn ngữ loài người chưa phát triển để được gọi là phong phú – các khái niệm còn quá sơ sài (một khái niệm phải dùng cho rất nhiều nghĩa) – triết lý Phật lại có thể trình bày một cách hết sức biện chứng (với các mối quan hệ chủ đạo là *nhân-quả*) – về một vấn đề cực kỳ to lớn và trọng đại, đó là : sự hiện diện của giống loài người – với đầy đủ về cả hai phương diện: vật chất và tinh thần (thể xác và tâm linh).

Càng không thể tin được rằng, cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm – đã có một khoa học về con người với đầy đủ các phương diện như thế – con người lại cứ phải tiếp tục loay hoay, vật lộn khổ sở – mày mò đi tìm bản thân mình – để khi bắt gặp Max, tưởng như bắt gặp được “vàng”, vỗ tay suýt xoa và ca tụng đến mức không còn lời lẽ nào hơn nữa được: Lý luận Max, là vô địch ?!

Khi đề cập đến con người, trong biểu hiện tính cách của nó (nhân cách), điều mà Max thể hiện, mới chỉ là một góc nhỏ hẹp, thuộc phần nổi của cả một tảng băng chìm. Tảng băng khổng lồ và vĩ đại này chính là thuyết Mười hai nhân duyên của nhà Phật.

Đến đây, lại phải nhắc lại: triết lý Phật– chẳng có gì là Phật – đó chỉ là cái tên gọi thôi.

Triết lý Phật– chẳng có gì là Phật – đó chỉ là cái tên gọi thôi – bởi, đơn thuần, đó chỉ là phản ánh khách quan. Vì phản ánh thật sự khách quan, nên nó là chân lý. Chân lý chỉ có một. Như vậy, duy nhất, sự đúng – với đầy đủ ý nghĩa của nó, chỉ và chỉ có thể dành cho triết lý Phật.

Xin trở lại kinh.

Mở đầu kinh, tiếp tục lại là trường hợp ngu si (từ Thế Tôn dùng) của một tỳ kheo. Vì ngu si nên vô hình chung đã xuyên tạc Như Lai. Một khi xuyên tạc Như Lai, cho dù đó là vô tình, vẫn là tội hết sức nặng nề.

Tội nặng này, không phải do xúc phạm đến Như Lai, mà đó là sự tước đoạt niềm tin của con người trên hành trình đi tìm lẽ thật (chân lý). Vì nghe và làm theo sự xuyên tạc ấy, họ bỏ chánh đạo, đi vào con đường tà. Vì đi vào con đường tà nên triển miên chuốc lấy khổ lụy, đánh mất sự an lạc, theo lẽ sẽ có được nơi mình.

Kẻ xuyên tạc là người gieo rắc sự khổ cho người khác, nên phải gánh chịu hậu quả thảm khốc do chính mình gây ra. Chư Phật có muốn ra tay, cũng rất khó có thể cứu độ tội này – nếu như không muốn nói là không thể – vì sao ? Vì tất cả đã được chuyển hóa . Sự chuyển hóa này vào ngay cấu trúc tâm linh phần tâm người – theo “lập trình” mà giống loài người – với tư duy chỉ ở cấp độ người – thì không thể nắm bắt được. Thế Tôn cũng chỉ biết lên tiếng cảnh báo – bằng tất cả tình thương yêu vô hạn. Và Ngài cũng chỉ có thể nói một cách vắn tắt: việc làm sai trái ấy là việc làm rất tổn hại đến công đức, sẽ phải gánh chịu hậu quả lâu dài, Ngài nói về trường hợp của Tỷ kheo Sati rằng:

“Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, còn tự pháp hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho kẻ mê mờ ấy”.

Nhân do sự thiếu hiểu biết của Tỷ-kheo Sati mà Thế Tôn giảng rất tỉ mỉ, rất cặn kẽ về thuyết Mười hai nhân duyên (*Lý nhân duyên*) này.

Trước hết, hãy xem sơ đồ về mười hai nhân duyên:

Vô minh → Hành → Thức => Danh Sắc =>Lục căn =>Xúc=>Thọ (Tướng, Hành, Thức)=>Ái=> Thủ => Hữu=> Sanh=> Lão tử

Danh là tên gọi khác của tập hợp: *Thọ, Tướng, Hành, Thức*. Như vậy, *Danh-Sắc* là *Ngũ uẩn*.

1. Hãy xét đoạn: ***Vô minh → Hành → Thức => Danh Sắc***

Xuất phát điểm là ***Vô Minh → Hành*** (yêu đương cụ thể hóa bằng chăn gối). Lúc đó hẳn nhiên là phải có sự hiện diện của ***Thức*** (đã trình bày: *Thức* có mặt ở bất kỳ khi nào có *Thọ, Tướng, Hành*) và cho ra đời thai nhi: ***Danh Sắc***

Vì *Thức* có mặt ở bất kỳ khi nào có *Thọ, Tướng, Hành* – cho nên, thiền nghĩ: *Thức* ở đây không phải là *thần thức* để từ đó đi vào thai nhi như cách hiểu truyền thống. Vậy thì *Thức* của thai nhi có khi nào ? Có cùng lúc với *Thọ, Tướng, Hành* khi *Lục căn* tiếp xúc với *Lục trần*. Khi mới chào đời, *Thức* cũng như *Thọ, Tướng, Hành* của một đứa trẻ là hết sức giản đơn (ấu trĩ).

Có ba trường hợp liên quan đến việc hình thành một thai nhi:

“Này các Tỷ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình:

Ở đây, cha mẹ có giao hợp và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ẩm (*gandhabba*) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình.

Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, nhưng hương ẩm (*gandhabba*) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình.

Và này các Tỷ-kheo, khi nào cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ẩm (*gandhabba*) có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình”.

2. Hãy xem tiếp sơ đồ:

Lục căn => Xúc => Thọ (Tưởng, Hành, Thức) => Ái => Thủ => Hữu => Sanh => Lão tử.

Rồi này các Tỷ-kheo, người mẹ trong chín hay mười tháng mang bào thai ấy, với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Rồi này các Tỷ-kheo, sau chín hay mười tháng, người mẹ sinh đẻ với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Khi đã sinh, người mẹ nuôi (*hài nhi* ấy) với máu của mình. Này các Tỷ-kheo, trong luật của bậc Thánh, sữa của bà mẹ được xem là máu.

Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ ấy, sau khi lớn lên, sau khi các căn đã thuần thục, chơi với những trò chơi dành cho các đứa trẻ, như với cái cày nhỏ, chơi khăng, chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đồng bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ.

Này các Tỷ-kheo, đứa trẻ sau khi lớn lên, sau khi các căn (**Lục căn**) do mắt nhận thức, được thuần thục, **thọ** hưởng đầy đủ năm món dục lạc (bao gồm):

+ Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn ;

+ Các tiếng do tai nhận thức, thanh này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn ;

+ Các hương do mũi nhận thức, hương này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn ;

+ Các vị do lười nhận thức, vị này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn ;

+ Các xúc do thân cảm xúc; các xúc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục.

Khi thấy sắc bằng mắt, người đó tham ái đối với sắc đẹp, người đó ghét bỏ đối với sắc xấu, người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không có dư tàn.

*Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch) có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước thọ ấy. Vì tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy, nên dục sanh hỷ, có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, nên dục hỷ sanh, có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp **thủ**. Do duyên thủ nên **hữu** sanh; do duyên hữu nên **sanh** sinh khởi; do duyên sanh nên **già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, sanh**. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.*

Khái niệm Xúc trong sơ đồ trên, là *Lục xúc* – do *Lục căn* (của Sắc) tiếp xúc với *Lục trần*. Khái niệm Thọ, trong sơ đồ này, lại hàm nghĩa: Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Và, Ái ở đây là Tham ái thức Tham, Sân, Si.

Triết lý Phật không dừng lại ở chỗ khoe khoang “rỗng roảng” về mặt nhận thức – như “cổ tật” của các *chủ thuyết*, các *triết học*.

Triết lý Phật không chỉ vạch ra con đường hình thành một con người với đầy đủ các phương diện của nó – mà còn chỉ ra rất rõ về sự hình thành khổ đau của con người.

Triết lý Phật – là duy nhất – mang toàn bộ tinh thần triết lý của mình – để dâng tặng cho con người – nhằm thoát khổ đau, mưu cầu lấy hạnh phúc cho mình.

Triết lý Phật – là duy nhất – không một chút hứa hẹn hão huyền nào – khi có được một khẳng định chắc chắn rằng: khổ đau sẽ bị diệt trừ ; sự yên vui lạc thú sẽ hiện diện ngay trong cuộc đời này.

Nếu như đoạn trừ được *Dục*, xa lìa được các thói *tham, sân, si* – ngay lập tức: Khổ đau sẽ bị diệt trừ ; yên vui lạc thú sẽ hiện diện – đó là điều triết lý Phật đoạn chắc – triết lý Phật chẳng dối bao giờ.

Thế Tôn đã đưa ra ví dụ cực kỳ đơn giản và dễ hiểu trong bài giảng của mình:

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy sanh vật này không ?

– *Bạch Thế Tôn, có thấy.*

– *Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy sự tác thành sanh vật do món ăn ấy không ?*

– *Bạch Thế Tôn có thấy.*

– *Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy, do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy cũng bị đoạn diệt không ?*

– *Bạch Thế Tôn, có thấy.*

(...)

– *Này các Tỷ-kheo, có bốn món ăn giúp cho an trú các loài hữu tình đã sanh hay phò trợ các loài hữu tình sẽ sanh.*

Thế nào là bốn ?

Đoàn thực hoặc thô hoặc tế, thứ hai là **xúc** thực, thứ ba là tư **niệm** thực, và thứ tư là **thức** thực.

Tham, Sân, Si đều do “thức ăn” nuôi dưỡng chúng. Nếu không còn cung cấp nguồn thức ăn, lập tức “sanh vật” *Tham, Sân, Si* sẽ chết.

Thế Tôn chỉ ra pháp để phá vỡ hệ thống vững chắc hình thành sự khổ. Hãy xem lại toàn bộ hệ thống này:

Vô minh → **Hành** → **Thức** => **Danh Sắc** => **Lục căn** => **Xúc** => **Thọ** (*Tưởng, Hành, Thức*) => **Ái** => **Thủ** => **Hữu** => **Sanh** => **Lão tử**.

Thế Tôn dạy rằng:

– *Trước đã nói: Do Hữu diệt nên Sanh diệt. Này các Tỷ-kheo, do hữu diệt nên sanh diệt có phải không ? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào ?*

– *Bạch Thế Tôn, do hữu diệt nên sanh diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do hữu diệt nên sanh diệt.*

– *Trước đã nói: Do Thủ diệt nên Hữu diệt. Này các Tỷ-kheo, do thủ diệt nên hữu diệt có phải không ? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào ?*

– *Bạch Thế Tôn, do thủ diệt nên hữu diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do thủ diệt nên hữu diệt.*

– *Trước đã nói: Do Ái diệt nên Thủ diệt. Này các Tỷ-kheo, do ái diệt nên thủ diệt có phải không ? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào ?*

– Bạch Thế Tôn, do ái diệt nên thủ diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do ái diệt nên thủ diệt.

– Trước đã nói: Do **Thọ** (Tướng, Hành, Thức) diệt nên **Ái** diệt. Nay các Tỷ-kheo, do thọ diệt nên ái diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, do thọ diệt nên ái diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do thọ diệt nên ái diệt.

– Trước đã nói: Do **Xúc** diệt nên **Thọ** diệt. Nay các Tỷ-kheo, do xúc diệt nên thọ diệt có phải không ? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, do xúc diệt nên thọ diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do xúc diệt nên thọ diệt.

– Trước đã nói: Do **Sáu nhập** diệt nên **Xúc** diệt. Nay các Tỷ-kheo, do sáu nhập diệt nên xúc diệt có phải không ? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do sáu nhập diệt nên xúc diệt.

– Trước đã nói: Do **Danh sắc** diệt nên **Sáu nhập** diệt. Nay các Tỷ-kheo, do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt có phải không ? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt.

– Trước đã nói: Do **Thức** diệt nên **Danh sắc** diệt. Nay các Tỷ-kheo, do thức diệt nên danh sắc diệt có phải không ? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, do thức diệt nên danh sắc diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do thức diệt nên danh sắc diệt.

– Trước đã nói: Do **Hành** diệt nên **Thức** diệt. Nay các Tỷ-kheo, do hành diệt nên thức diệt có phải không ? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, do hành diệt nên thức diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do hành diệt nên thức diệt.

– Trước đã nói: Do **Vô minh** diệt nên **Hành** diệt. Nay các Tỷ-kheo, do vô minh diệt nên hành diệt có phải không ? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, do vô minh diệt nên hành diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do vô minh diệt nên hành diệt.

Trước một vấn đề hệ trọng – không còn điều gì hệ trọng hơn đối với con người – Thế Tôn đã trình bày cả một hệ thống lý luận – bằng phương pháp tinh giản và rất dễ hiểu như vậy.

Triết lý Phật cũng lại là triết lý duy nhất – khi gắn liền lý thuyết và thực hành. Triết lý Phật chưa bao giờ và không bao giờ dừng lại ở “mớ” lý thuyết suông .

Muôn vàn học pháp Phật ra đời – nhằm giúp chúng sanh có được những “công cụ” phù hợp để thực hiện hệ thống lý luận này. Trong muôn vàn học pháp Phật, các học pháp được trình bày trong Kinh Niệm Xứ là rất cụ thể và mang lại hiệu quả rất cao.

Trong các học pháp Phật đã chỉ rõ: Khi có sự tiếp xúc giữa *Lục căn* (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) với *Lục trần* (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) – ngay lập tức: *Thọ-Thức ; Tưởng-Thức ; Hành-Thức* nổi lên. Một người tu hành sẽ nhận ra ngay rằng: tâm ý của mình lúc đó là thế nào: *thiện hay bất thiện* ? Nếu đó là bất thiện, ngay lập tức tâm ý ấy phải được tiêu trừ – thông qua pháp: *Quán Tâm trên tâm*, chẳng hạn.

Và, ngay cả với *tâm ý thiện* – thì cũng vẫn phải lập tức được loại trừ. Ví dụ: Một người làm việc thiện, bằng cách: cho tiền, giúp một người thật sự đang rơi vào cảnh hoạn nạn khó khăn. Sau khi giúp, một cảm giác *lạc thọ* (sung sướng, hạnh phúc) nổi lên. Với triết lý Phật: người tu hành phải quán chiếu để nhận ra rằng: Cảm giác *lạc thọ* này là *vô thường* . Vì cảm giác *lạc thọ* này là *vô thường* nên phải xả bỏ, không nghĩ ngợi. Khi đó người tu hành chỉ nghĩ: “*Đó là việc phải làm*”.

Trong Đại Kinh Saccaka, Thế Tôn thuật lại cảm giác *lạc thọ* khi ngồi tham thiền nhập định như sau:

Thế rồi, "Ta biết, trong khi phụ thân Ta, thuộc giòng Sakka (Thích-ca) đang cày và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây diêm-phù-đề (jambu), Ta ly dục, ly pháp bất thiện chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ". Khi an trú như vậy, Ta nghĩ: "Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng ?" Và này Saccaka, tiếp theo ý niệm ấy, ý thức này khởi lên nơi Ta: "Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ". Này Saccaka, rồi Ta suy nghĩ: "Ta có sợ chăng lạc thọ này, một lạc thọ ly dục, ly pháp bất thiện ?" Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: "Ta không sợ lạc thọ này, một lạc thọ ly dục, ly pháp bất thiện".

Như vậy, chỉ và chỉ khi nào *lạc thọ* do *ly dục, ly pháp bất thiện* mang lại thì người tu hành mới có thể được phép giữ lại (cho đến khi chứng và trú Thiền thứ tư , *lạc thọ* cũng phải được xả bỏ – khi đó: không *lạc*, không *khô*).

Trở lại kinh. Thế Tôn dạy rằng:

“(Nếu như) có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước **thọ** ấy, nếu có **dục** hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên **thủ** diệt. Do thủ diệt nên **hữu** diệt. Do hữu diệt nên **sanh** diệt. Do sanh diệt nên **già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não** diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này”.

Như vậy, Đại Kinh Đoạn Tận Ái đề cập rất tỉ mỉ, cặn kẽ về thuyết Mười Hai Nhân Duyên (*Lý Nhân duyên*).

Thuyết này chỉ ra nguyên nhân của sự khổ (*Tập khổ đế*) và đồng thời cũng đưa ra giải pháp diệt trừ sự khổ (*Diệt khổ đế*) – hai mắt xích quan trọng trong *Tứ Thánh đế* (hai thánh đế còn lại là *Khổ đế*: nhận diện sự khổ và *Đạo đế*: con đường dẫn đến cứu cánh giải thoát khỏi sự khổ).

Diệt khổ để hạnh phúc hiển lộ.

Trong giai đoạn, khi *chứng và trú Thiền thứ nhất, thứ hai, thứ ba*. Do *Dục* (những ham muốn, nhu cầu) được tiết giảm, hạn chế đến mức thấp nhất, và từng bước xả bỏ tận gốc rễ *Tham, Sân, Si* – nên người tu hành sẽ luôn có được cảm giác *lạc thọ* đồng thời phiền não (sự khổ) dần được loại trừ .

Đây là giá trị sống hết sức cao và đẹp của con người.

Trên thực tiễn, hạnh phúc do cảm giác *lạc thọ* mang lại – sẽ là chủ đạo, chiếm lĩnh toàn bộ đời sống của con người – ngay trong hiện tại, ở cõi thế gian này.

(Trích từ “*Kinh Trung Bộ Chú Giải*” – *Tập Một*)